

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tuyển.
- Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Hồ Văn B, sinh năm 1982;
- Chị Lê Phương T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: khu phố P, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo uỷ quyền của anh B, chị T: Anh Phan Phụng Đức H, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 21-12-2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

- Anh Lê Văn T1, sinh năm 1974; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: [ấp D, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.](#)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh [Phan Phụng Đức H](#) trình bày:*

Anh [B](#), chị [T](#) không có quan hệ họ hàng mà chỉ quen biết ngoài xã hội thông qua việc cho anh [T1](#), chị [L](#) vay tiền nhiều lần. Cụ thể, anh [B](#), chị [T](#) có cho vợ chồng anh [T1](#), chị [L](#) vay 17 lần với tổng số tiền 5.400.000.000 đồng, khi vay thoả thuận lãi suất 01%/tháng, mục đích vay tiền là để vợ chồng anh [T1](#), chị [L](#) có vốn kinh doanh. Ngày vay tiền cuối cùng là ngày 30-4-2023, vay số tiền 1.600.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay, vợ chồng anh [T1](#), chị [L](#) không có trả cho anh [B](#), chị [T](#) số tiền nào. Nay anh [B](#), chị [T](#) khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh [T1](#), chị [L](#) trả cho anh [B](#), chị [T](#) số tiền gốc 5.400.000.000 đồng và lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 30-4-2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị [Nguyễn Thị L](#) trình bày:*

Vợ chồng chị có vay tiền của anh [B](#), chị [T](#) tổng cộng 16 lần với số tiền 3.800.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn. Riêng lần vay tiền cuối cùng 30-4-2023 số tiền 1.600.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 3.800.000.000 đồng nhưng chị [L](#) không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng. Nay vợ chồng chị đồng ý trả cho anh [B](#), chị [T](#) số tiền 3.800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, đối với số tiền 1.600.000.000 đồng là tiền lãi nên chị không đồng ý trả cho anh [B](#), chị [T](#).

** [Đ](#) bị đơn anh [Lê Văn T1](#) trình bày:* Anh là chồng của chị [L](#), anh thống nhất theo lời trình bày của chị [L](#), đồng ý trả cho anh [B](#), chị [T](#) số tiền 3.800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh [Phan Phụng Đức H](#) trình bày bổ sung:* Về vấn đề anh [T1](#), chị [L](#) cho rằng ngày vay tiền cuối cùng 30-4-2023 là lãi suất của số tiền 3.800.000.000 đồng là không có căn cứ, do là chỗ quen biết nên anh [B](#), chị [T](#) mới cho anh [T1](#), chị [L](#) vay rất nhiều lần. Tất cả các lần vay trước anh [T1](#), chị [L](#) đều trả đúng hạn nên tạo sự tin tưởng, nhưng từ khi vay tiền ngày 12-7-2022 anh [T1](#), chị [L](#) không có trả cho anh [B](#), chị [T](#), nên mới phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T1, chị L có trách nhiệm trả cho anh B, chị T số tiền 5.400.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 30-4-2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh B, chị T khởi kiện yêu cầu anh T1, chị L có trách nhiệm trả số tiền vay 5.400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh T1, chị L có địa chỉ ở ấp D, xã B, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. [1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh H, chị L, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. [2] Về nội dung vụ án: [2.1] Về số tiền vay: Các đương sự đều thống nhất, anh T1, chị L có vay của anh B, chị T 16 lần với số tiền 3.800.000.000 đồng, các lần vay này anh T1, chị L chưa trả gốc và lãi cho anh B, chị T. Riêng đối với lần vay tiền thứ 17 ngày 30-4-2023 số tiền 1.600.000.000 đồng, anh T1, chị L cho rằng đây chỉ là tiền lãi của khoản vay 3.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh T1, chị L không cung cấp được người làm chứng, chứng cứ chứng minh số tiền 1.600.000.000 đồng là lãi suất và anh B, chị T cũng không thừa nhận. Nên lời trình bày của anh T1, chị L là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ xác định, vợ chồng anh T1, chị L có nợ của anh B, chị T số tiền 5.400.000.000 đồng là sự thật. Nên anh B, chị T khởi kiện yêu cầu anh T1, chị L có trách nhiệm trả số tiền 5.400.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với mức 10%/năm của số tiền 5.400.000.000 đồng kể từ ngày 30-4-2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Xét thấy, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay cuối cùng là 30-4-2023 và lãi suất yêu cầu không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên ghi nhận. Lãi suất được tính cụ thể như sau: Từ ngày 30-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (29-01-2024) là 08 tháng 29 ngày x 5.400.000.000 đồng x 10%/năm = 403.500.000 đồng.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lê Văn T1, chị Nguyễn Thị L có

trách nhiệm trả cho anh [Hồ Văn B](#), chị [Lê Phương T](#) số tiền 5.803.500.000 đồng, trong đó có 5.400.000.000 đồng tiền gốc và 403.500.000 đồng tiền lãi.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh [Lê Văn T1](#), chị [Nguyễn Thị L](#) phải chịu 113.803.500 (một trăm mười ba triệu, tám trăm linh ba nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh [Hồ Văn B](#), chị [Lê Phương T](#) không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho anh [B](#), chị [T](#) số tiền 56.786.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025967 ngày 20-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh [Hồ Văn B](#), chị [Lê Phương T](#) đối với anh [Lê Văn T1](#), chị [Nguyễn Thị L](#) về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh [Lê Văn T1](#), chị [Nguyễn Thị L](#) có trách nhiệm trả cho anh [Hồ Văn B](#), chị [Lê Phương T](#) số tiền 5.803.500.000 (năm tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn) đồng, trong đó có 5.400.000.000 (năm tỷ, bốn trăm triệu) đồng tiền gốc và 403.500.000 (bốn trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh [Lê Văn T1](#), chị [Nguyễn Thị L](#) phải chịu 113.803.500 (một trăm mười ba triệu, tám trăm linh ba nghìn, năm trăm) đồng.

2.2. Anh [Hồ Văn B](#), chị [Lê Phương T](#) không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho anh [B](#), chị [T](#) số tiền 56.786.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu số 0025967 ngày 20-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

